

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

ELC, APG

[Cập nhật công ty]

VRE, NLG, GAS

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán chốt lời trong các nhịp tăng vượt đỉnh và chỉ mở mua một phần vị thế trading trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ

13/09/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,238.39	-0.57
VN30	1,247.95	-0.63
HĐTL VN30F1M	1,245.00	-0.95
HNXIndex	256.11	-0.08
HNX30	551.36	-0.02
UPCoM	94.18	-0.10
USD/VND	24,160	+0.19
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.58	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.21	+11
Dầu (WTI, \$)	89.45	+0.69
Vàng (LME, \$)	1,911.85	-0.10



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,238.39 (-0.57%)
KLGD (triệu CP) 1,137.0 (+36.9%)
GTGD (triệu US\$) 1,231.9 (+29.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại HPG (-1.22%), STB (-1.24%), VHM (-2.62%).

HNXIndex 256.11 (-0.08%)
KLGD (triệu CP) 116.5 (+10.3%)
GTGD (triệu US\$) 103.7 (+30.2%)

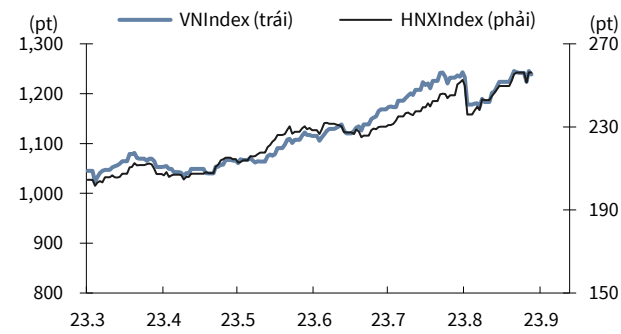
Giá thép hôm nay giao tháng 1/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải tăng 3 nhân dân tệ lên mức 3,785 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h45 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở NKG(+1.38%), VGS(+6.74%)

UPCoM 94.18 (-0.10%)
KLGD (triệu CP) 83.6 (+39.0%)
GTGD (triệu US\$) 56.1 (+61.2%)

Theo số liệu mới công bố từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 8, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ đạt hơn 9 tỷ USD. Đây là mức cao nhất trong 1 năm kể từ tháng 8/2022. Cổ phiếu ngành xuất khẩu tăng giá ở MSH(+1.98%), TNG(+0.47%)

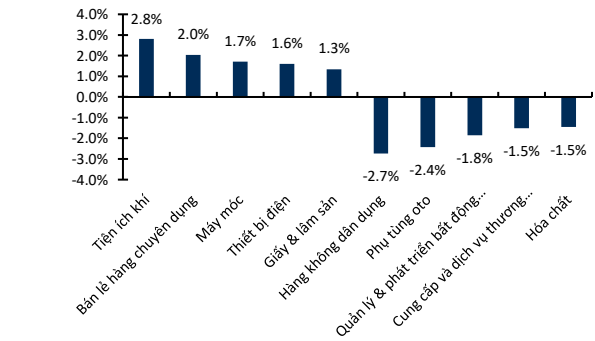
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -49.2

VNIndex & HNXIndex



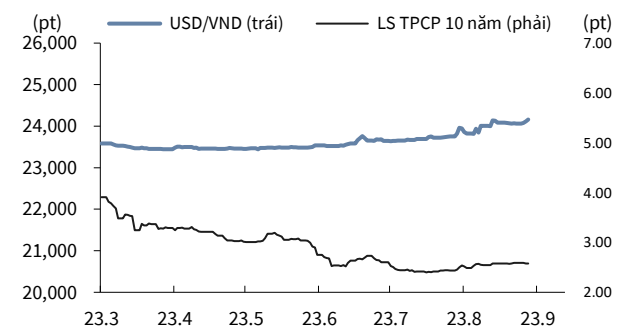
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



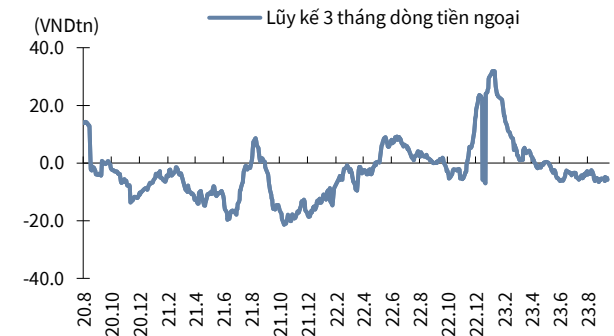
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

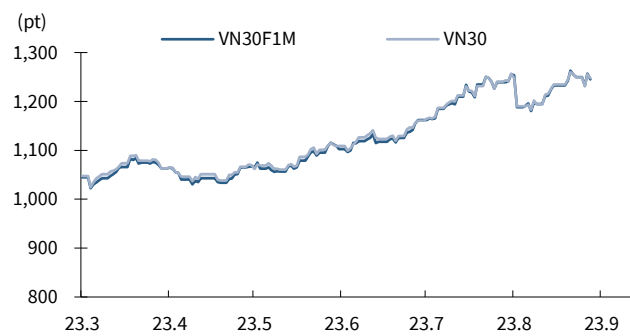
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,247.95 (-0.63%)
VN30F1M	1,245.0 (-0.95%)
Mở cửa	1,257.0
Cao nhất	1,261.0
Thấp nhất	1,235.2

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2309 và VN30 mở cửa tại 1.17, sau đó biến động quanh mức -1.80 điểm và đóng cửa tại -2.95 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

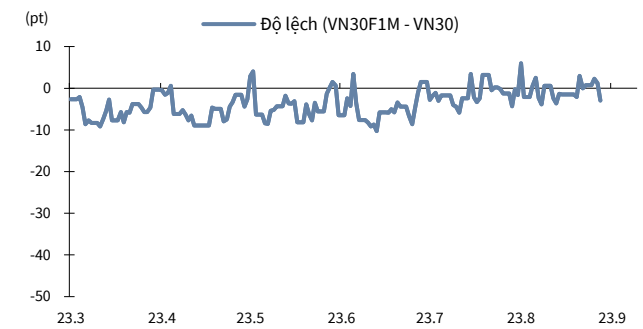
KLGD (HĐ) **274,166 (+20.6%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



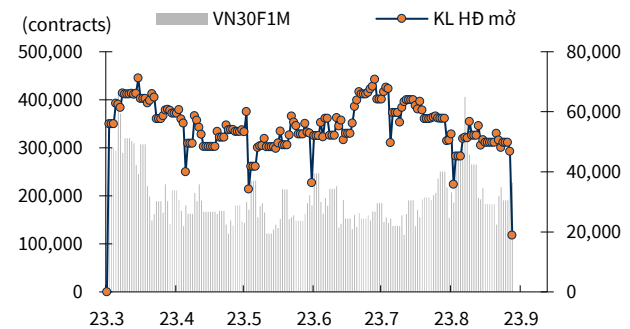
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



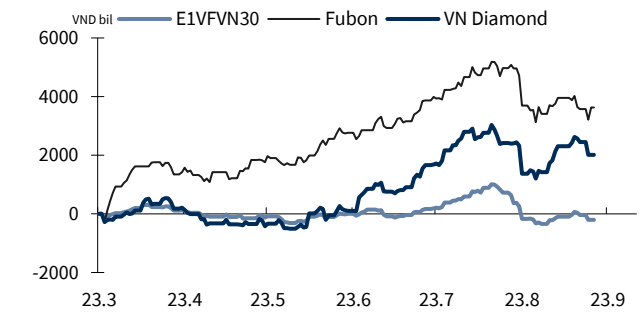
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

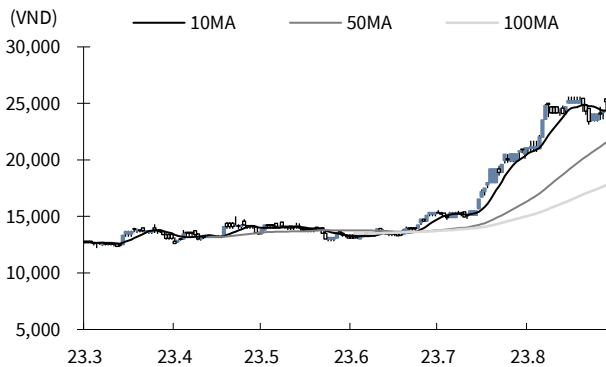
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Công nghệ - Viễn thông ELCOM (ELC)

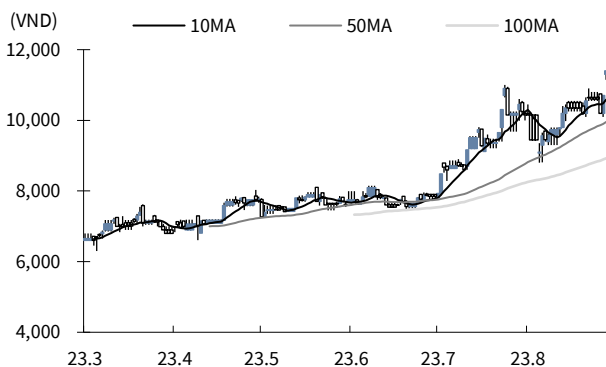


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ELC tăng 3.07% lên 25,150 VND/cp

- Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom vừa thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông với tỉ lệ lên tới 40%, nhằm bổ sung ngành nghề kinh doanh là sản xuất linh kiện điện tử. Hiện mã ELC có gần 58.78 triệu cổ phiếu đang được lưu hành. Với tỉ lệ chia cổ phiếu này, dự kiến Elcom sẽ phát hành hơn 23.51 triệu cổ phiếu.

CTCP Chứng khoán APG (APG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- APG tăng 6.54% lên 11,400 VND/cp

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đã đưa cổ phiếu của CTCP Chứng khoán APG ra khỏi danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ do kết quả kinh doanh nửa đầu năm 2023 của công ty đã được khắc phục. Cụ thể, doanh thu hoạt động 6 tháng đạt 186 tỷ đồng (+28% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt trên 108 tỷ đồng, gấp 165 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

CTCP Vincom Retail (VRE)

NOI tăng, kỳ vọng tỉ lệ lấp đầy tiếp tục cải thiện

12/09/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
 nguyenn1@kbsec.com.vn

Hoạt động cho thuê mặt bằng tiếp tục đà tăng trưởng trong 2Q2023

Doanh thu cho thuê mặt bằng 2Q2023 đạt 1,944 tỉ VND (+7% YoY), với lãi thuần từ hoạt động cho thuê ghi nhận ở mức 1,451 tỉ VND (+7% YoY), tương đương với biên NOI là 75%

Kỳ vọng hạch toán hơn 1,600 tỉ VND doanh thu từ mảng Bất động sản trong 2H2023

Trong 1H2023, VRE ghi nhận 200 tỉ doanh thu từ mảng Bất động sản nhờ bàn giao 24 căn shophouses từ 2 dự án tại Điện Biên và Thái Hòa. Theo kế hoạch, VRE sẽ bàn giao và ghi nhận thêm 1,600 – 1800 tỉ VND doanh thu từ mảng Bất động sản trong 2H2023

VRE dời khai trương VMM Grand Park sang 2Q2024

Trong bối cảnh sức mua của ngành bán lẻ suy giảm, VMM Grand Park sẽ được dời lịch khai trương sang 2Q2024. Như vậy, trong 2023, VRE sẽ chỉ bổ sung thêm VCP Hà Giang vào trong mạng lưới TTTM của công ty, tương đương với việc bổ sung thêm xấp xỉ 9,500 m2 GFA

Khuyến nghị MUA với cổ phiếu VRE với giá mục tiêu 38,400 VND/cổ phiếu

Áp dụng phương pháp định giá từng phần, chúng tôi xác định mức giá hợp lý của VRE là 38,400 VND/cổ phiếu, tương đương với mức upside 30% so với giá đóng cửa ngày 12/09/2023.

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND 38,400
Tăng/giảm	30%
Giá hiện tại (11/09/2023)	VND 29,500
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 37,700
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	6.7/2.8

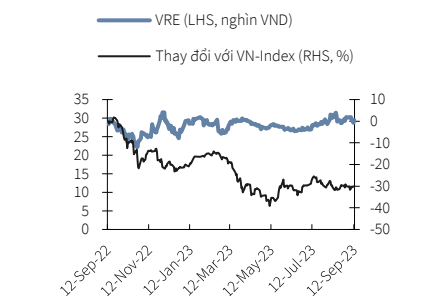
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ cổ phiếu free-float (%)	40%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	210.7/8.8
CTCP Kinh doanh Thương mại SADO	40.5%
CTCP Tập đoàn Vingroup (VIC)	18.4%

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4%	9%	2%	3%
Tương đối	-5%	-2%	-17%	3%

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,891	7,361	9,507	8,625
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	1,658	3,453	5,289	5,169
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	1,315	2,776	4,267	4,136
EPS (VND)	564	1,192	1,832	1,776
Tăng trưởng EPS (%)	-45%	111%	54%	-3%
P/E (x)	53.3	22.1	14.7	15.1
P/B (x)	2.3	1.8	1.7	1.5
ROE (%)	4%	9%	12%	10%
Tỉ suất cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính



Nguồn: Bloomberg, KBSV

12/09/2023

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Doanh số bán hàng trong quý 2/2023 đã có sự khởi sắc so với quý trước

Doanh số bán hàng trong Quý 2/2023 mặc dù vẫn thấp hơn đáng kể so với mức nền cao cùng kỳ nhưng đã có sự khởi sắc so với Quý 1/2023 với tổng giá trị hợp đồng đạt 629 tỷ VND (+164%QoQ, -77%YoY) đến từ các dự án hiện hữu Mizuki Park, Akari City và Southgate.

Doanh số mục tiêu năm 2023 đạt 9,430 tỷ VND (+15% YoY)

Nam Long đặt mục tiêu doanh số năm 2023 đạt 9,430 tỷ VND (+15% YoY) từ mở bán tại các dự án Southgate, Cần Thơ, Akari City và Mizuki Park. Tuy nhiên, ước tính của chúng tôi thận trọng hơn với doanh số bán hàng năm 2023 đạt khoảng 4,842 tỷ VND (-41%YoY) đến từ dự án Akari City, Mizuki Park và Southgate.

Dự báo lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 619 tỷ VND (+11% YoY)

Chúng tôi dự báo lợi nhuận sau thuế của NLG năm 2023 đạt 619 tỷ VND (+11% YoY) từ bàn giao dự án Southgate, Izumi City và đẩy mạnh bàn giao dự án Mizuki Park (giai đoạn 2) và chuyển nhượng 25% cổ phần còn lại tại dự án Paragon Đại Phước.

Khuyến nghị: **NẮM GIỮ** - Giá mục tiêu: **40,200VND/cổ phiếu**

Chúng tôi duy trì đánh giá tích cực đối với cổ phiếu Nam Long nhờ (1) Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn và (2) Các dự án căn hộ trung cấp tại TP HCM như Mizuki và Akari City hay căn hộ vừa túi tiền Ehome Southgate vẫn thu hút được người mua có nhu cầu ở thực. Cổ phiếu Nam Long có mức tăng 17% trong vòng 3 tháng, hiện đang giao dịch ở mức P/B 2023fw là 1.5x, tương đương với mức P/B trung bình 5 năm. Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu NLG với giá mục tiêu 40,200VND/cp, cao hơn 5% so với giá đóng cửa ngày 12/09/2023.

NẮM GIỮ duy trì

Giá mục tiêu	40,200 VND
Tăng/giảm (%)	5%
Giá hiện tại (12/09/2023)	38,300 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	41,200VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	14.7/0.6

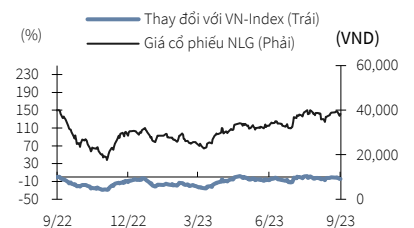
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	56.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	125.3/5.3
Sở hữu nước ngoài (%)	8%
Cổ đông lớn	Ông Nguyễn Xuân Quang (12%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	16	49	-4	16
Tương đối	4	31	-4	4

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,206	4,339	3,939	4,956
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,205	1,041	778	1,172
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	1,071	556	619	867
EPS (VND)	2,686	1,448	1,612	2,258
Tăng trưởng EPS (%)	-3	-46	11	40
P/E (x)	9.31	17.26	23.76	16.97
P/B (x)	1.07	1.07	1.53	1.41
ROE (%)	11	4	6	8
Tỷ suất cổ tức (%)	5	1	1	1

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

TCT Khí Việt Nam(GAS)

Giá dầu FO và LPG cải thiện trong 2H2023

13/09/2023

 Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu
 hieupm@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận gộp 1H2023 giảm mạnh so với cùng kỳ

Doanh thu 1H2023 sụt giảm 17% yoy trong khi giá vốn hàng bán chỉ giảm 15% yoy đã khiến lợi nhuận gộp giảm mạnh 24% yoy. Trong 1H2023, giá dầu thô, dầu FO và LPG diễn biến xấu (giảm lần lượt 24% yoy, 29% yoy và 26% yoy), tác động tiêu cực tới kết quả kinh doanh của GAS. Tiêu thụ khí khô từ các nhà máy điện tăng, nhưng tiêu thụ từ các nhà máy đạm và khu công nghiệp suy giảm khiến tổng sản lượng tiêu thụ khí khô gần như đi ngang.

Giá dầu thô Brent và dầu FO được kỳ vọng sẽ cải thiện trong 2H2023

Chúng tôi duy trì kỳ vọng giá dầu thô Brent sẽ đạt trên 80 USD/thùng tới cuối năm 2023, thúc đẩy đà hồi phục của giá dầu FO. Chúng tôi cho rằng giá dầu FO có khả năng tiếp tục gia tăng trong 2H2023 do (1) nhu cầu làm mát tăng cao trong bối cảnh nền nhiệt toàn cầu đạt mức kỷ lục và (2) các nước OPEC+ siết nguồn cung dầu thô, khiến các nhà máy lọc dầu châu Á phải đẩy mạnh sử dụng dầu FO làm nguyên liệu đầu vào thay thế.

Màng LNG vẫn là động lực tăng trưởng trong dài hạn, nhưng sẽ cần giải quyết nhiều vấn đề trong ngắn hạn

Chúng tôi cho rằng các dự án kho LNG của GAS là lời giải cho vấn đề suy giảm nguồn khí tự nhiên về dài hạn. Trong tháng 7/2023, GAS đã tiếp nhận tàu LNG đầu tiên từ Shell để vận hành thử nghiệm kho LNG Thị Vải giai đoạn 1; và tỉnh Bình Thuận cũng đã quyết định chấp thuận đầu tư cho dự án kho LNG Sơn Mỹ. Tuy nhiên, các dự án đang đối mặt với rủi ro ở khâu trung - hạ nguồn khi các hợp đồng mua-bán chưa được thống nhất. Chúng tôi không đánh giá cao khả năng sinh lời của các kho LNG trong thời gian đầu.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 118,800 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCF và P/E chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GAS. Giá mục tiêu là 118,800 VNĐ/cổ phiếu, tương đương mức upside 15.7% so với giá tại ngày 12/09/2023.

MUA

Duy trì

Giá mục tiêu	118,800 VND
Tăng/giảm (%)	15.7%
Giá hiện tại (12/09/2023)	VND102,700
Giá mục tiêu đồng thuận	VND112,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	196,568/8,139

Dữ liệu giao dịch

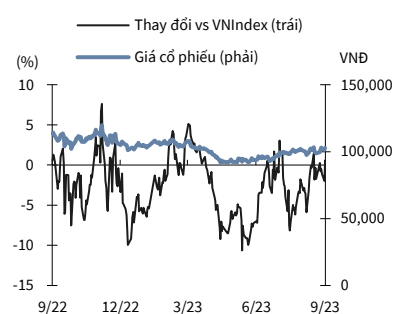
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	60.9/2.5
Sở hữu nước ngoài (%)	2.9%
Cổ đông lớn	PVN (95.8%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-0.1	8.0	-5.2	-10.8
Tương đối	0.6	-1.5	-18.4	-8.9

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	78,992	100,724	89,617	91,879
Lãi/lỗ từ HĐKD	10,374	17,799	14,893	15,573
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	8,673	14,794	13,089	13,889
EPS (VNĐ)	4,356	7,647	6,839	7,257
Tăng trưởng EPS (%)	8.1	75.6	-11.0	6.0
P/E (x)	16.6	14.0	17.4	16.4
P/B (x)	2.7	3.4	3.3	2.9
ROE (%)	17.0	24.6	19.3	18.3
Tỷ suất cổ tức (%)	4.2	2.9	2.5	2.5



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực vượt đỉnh bất thành, VNIndex dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời gia tăng quanh ngưỡng cản gần 125x đã khiến cho đà tăng điểm tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp điều chỉnh trong các phiên tiếp theo trước nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn với ngưỡng hỗ trợ gần được đặt quanh 122x.
- NĐT được khuyến nghị bán chốt lời trong các nhịp tăng vượt đỉnh và chỉ mở mua một phần vị thế trading trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1255 – 1257

Kháng cự gần: 1249 – 1252

Hỗ trợ gần: 1237 – 1240

Hỗ trợ xa: 1225 – 1229

- Sau những nỗ lực vượt đỉnh bất thành, F1 đảo chiều giảm điểm gồng co trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời gia tăng quanh ngưỡng cản gần 1260 đã khiến cho đà tăng điểm tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp điều chỉnh trong các phiên tiếp theo trước nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn với ngưỡng hỗ trợ gần được đặt quanh 123x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

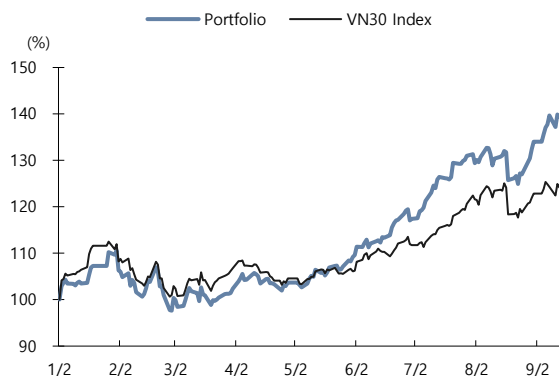
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.63%	-0.32%
Tăng lũy kế (YTD)	24.15%	39.42%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/09/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	14,600	0.0%	-2.0%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	30,800	-1.0%	10.4%	- Mảng EPC và SXCN trong 2H2023 sẽ được cải thiện khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt - Đóng góp mới từ mỏ Niken và KCN sẽ bù đắp lợi nhuận giảm từ các mảng còn lại
FPT Corp (FPT)	31/12/2019	83,300	-0.4%	29.1%	- KQKD tích cực trong 7T, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 là khả thi - Hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số, cũng như tăng trưởng mảng công nghệ ở Mỹ, Nhật - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	24,900	-3.1%	0.2%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	26,500	0.2%	3.9%	- Giá thịt heo tiếp tục hồi phục về quanh 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	98,000	-0.9%	206.8%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	38,000	-1.0%	6.3%	- Đà giảm giá cước vận tải ki vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sản dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	31/12/2019	21,200	0.5%	5.0%	- KQKD sẽ hồi phục nhờ: (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ; và (2) sức mua hồi phục - Biên LN góp cải thiện nhờ thay đổi cơ cấu hàng hoá và tăng hiệu quả quản trị HTK - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	31,950	-1.2%	10.4%	- Mức crack spread trên thế giới có thể được cải thiện khi TQ và Mỹ bước vào mùa cao điểm - Kế hoạch hoãn bảo dưỡng nhà máy giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - STB có đủ dự địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Sacombank (STB)	01/08/2023	22,200	3.7%	14.4%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lsdh; (2) Thanh khoản được cải thiện - STB nằm trong nhóm có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dự địa lợi nhuận để thực hiện trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	0.0%	43.9%	76.5
HDG	1.4%	21.3%	53.0
BSI	5.3%	36.3%	46.0
VNM	-1.5%	55.0%	16.5
HHV	6.8%	4.9%	14.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.2%	25.7%	-311.2
STB	-1.2%	23.5%	-127.1
VHM	-2.6%	24.2%	-110.9
KBC	-1.3%	21.1%	-103.5
MWG	3.1%	48.7%	-78.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-1.2%	1.2%	8.4
TSB	9.9%	0.7%	1.8
PVI	-0.2%	59.5%	1.3
VNR	-1.0%	27.7%	1.0
TNG	0.5%	19.7%	0.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	2.9%	4.7%	-3.7
NVB	0.0%	7.8%	-1.5
IVS	-2.9%	69.6%	-0.7
PSD	-1.2%	0.0%	-0.5
PLC	1.9%	1.3%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	5.0%	SSI, VND, HCM, VCI
Đồ uống	4.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Tiện ích khí	4.0%	GAS, PGD, PMG
Bán lẻ hàng chuyên dụng	3.6%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	2.6%	PNJ, TCM, MSH, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-5.1%	PGV, NT2, PPC, TTA
Phụ tùng oto	-4.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Thương mại & phân phối	-4.3%	VPG, TSC, BTT, TNA
Quản lý & phát triển bất động sản	-4.0%	VHM, VIC, NVL, BCM
Hàng không dân dụng	-2.7%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	24.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Công nghệ	18.9%	FPT, CMG, ELC
Hóa chất	11.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	8.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Sản phẩm xây dựng	7.9%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-12.1%	VHM, VIC, NVL, BCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-7.6%	TNH, JVC, VMD
Tiện ích điện	-4.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Sản xuất điện	-3.2%	POW, VSH, GEG, TMP
Hàng không dân dụng	-2.1%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,200,618 (50.1)	22.5	70.1	65.6	14.7	2.9	2.9	2.0	1.9	-1.8	-3.9	-18.5	10.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	393,549 (16.4)	26.6	6.4	5.9	35.9	21.3	19.4	1.3	1.1	-2.6	-6.8	-14.4	8.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	182,854 (7.6)	17.8	15.8	14.8	-7.6	11.8	11.5	1.8	1.7	-1.7	-4.3	-5.7	10.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	996,210 (41.5)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.1	1.1	-4.8	-8.5	-4.5	42.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	64,654 (2.7)	11.6	27.2	24.5	13.7	8.2	8.2	1.9	1.9	0.3	-3.2	-3.2	33.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	538,164 (22.4)	13.9	40.6	42.8	-	3.7	3.4	1.4	1.4	-2.2	-2.0	7.7	71.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	139,927 (5.8)	6.3	15.0	12.7	11.7	22.7	21.3	2.8	2.3	-0.9	-1.2	-1.4	31.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	66,454 (2.8)	12.7	11.9	9.5	-5.3	19.5	19.9	2.0	1.6	0.0	-0.6	0.6	21.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	218,388 (9.1)	0.0	6.6	5.2	14.3	15.1	16.5	0.9	0.8	-0.8	-0.6	4.0	35.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	210,776 (8.8)	1.4	8.6	7.1	50.3	16.9	17.7	1.3	1.1	0.8	-0.3	1.4	19.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	417,308 (17.4)	0.0	10.6	8.2	18.8	11.4	12.9	1.3	1.2	0.7	3.0	2.0	25.4
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	201,829 (8.4)	0.0	4.9	4.2	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	-1.0	-1.0	0.8	28.1
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	63,964 (2.7)	4.2	6.1	4.0	23.3	19.8	24.5	1.1	0.9	0.3	1.5	2.3	25.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	773,301 (32.3)	14.0	8.0	5.2	26.5	18.8	23.5	1.3	1.0	-1.2	-3.3	0.3	42.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	168,700 (7.0)	0.0	7.4	6.4	37.4	19.6	19.7	1.2	1.0	0.3	-2.5	3.2	27.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	202,437 (8.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.0	-0.6	4.7	9.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	33,393 (1.4)	21.0	17.9	16.9	15.8	9.3	9.4	1.6	1.5	-0.5	-0.2	-2.5	-2.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,430 (0.4)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	-2.8	-3.4	8.5	30.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	981,614 (40.9)	55.4	34.3	27.0	-3.2	9.9	8.9	2.4	2.4	0.0	5.3	27.2	102.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	242,664 (10.1)	71.9	31.2	23.2	-4.0	10.5	13.6	3.2	3.1	-2.4	3.8	17.1	112.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	251,747 (10.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.3	4.0	20.0	77.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	756,103 (31.5)	27.2	25.5	19.1	36.3	7.9	10.2	2.0	1.9	-2.0	2.1	22.2	81.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	277,601 (11.6)	42.1	18.9	16.1	4.0	28.8	31.5	5.4	5.5	-1.5	-1.1	7.6	3.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	56,151 (2.3)	36.9	23.1	20.7	7.3	19.4	19.7	4.2	3.8	-1.2	4.9	4.6	-0.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	164,531 (6.9)	16.5	57.9	31.8	-51.9	10.7	13.1	5.5	4.9	-1.1	-3.1	-5.2	-13.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,149 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	-1.5	-6.2	-2.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	94,799 (4.0)	11.0	56.7	26.0	-88.5	6.4	13.2	3.4	2.9	-2.8	-2.7	-2.1	-9.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	89,103 (3.7)	10.8	11.4	17.9	-57.0	30.4	12.6	2.3	2.1	1.5	2.5	18.8	44.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	276,394 (11.5)	38.4	19.2	15.7	65.7	2.4	3.8	1.2	1.2	0.8	3.0	14.6	86.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	561,417 (23.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	2.6	3.6	15.6	108.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	58,613 (2.4)	3.6	23.5	20.2	-52.4	2.1	1.8	0.6	0.6	0.9	-0.3	-0.9	103.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	43,376 (1.8)	0.0	9.6	8.4	-4.5	14.7	15.2	1.3	1.2	0.0	-1.1	0.3	2.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	59,701 (2.5)	46.1	16.3	15.8	-17.5	18.9	16.6	3.1	2.9	2.8	4.0	4.0	4.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	23,762 (1.0)	31.4	13.3	11.1	-10.5	13.7	16.2	1.8	1.7	-1.2	1.9	-0.7	2.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,574 (0.1)	34.1	16.9	9.5	-5.1	5.9	10.3	0.9	0.9	0.3	-2.7	0.7	15.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	853,381 (35.6)	18.0	22.7	12.7	21.9	7.4	12.8	1.6	1.5	-1.2	-2.1	2.5	57.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	168,248 (7.0)	36.5	11.6	8.7	-0.5	9.9	13.6	1.2	1.2	-2.4	3.7	-1.6	-8.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	159,875 (6.7)	46.5	13.9	9.1	-4.5	11.6	17.6	1.7	1.6	-0.6	6.4	3.8	28.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	269,615 (11.2)	38.9	-	22.8	67.9	1.3	6.0	1.2	1.2	0.7	3.3	10.8	96.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	99,694 (4.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.4	-5.0	-10.2	54.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	45,935 (1.9)	4.6	19.9	14.5	-51.0	12.0	12.5	2.0	1.8	0.8	2.5	-0.9	27.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	113,611 (4.7)	39.9	38.1	22.9	-11.9	4.9	8.0	1.0	1.0	0.2	1.7	3.9	48.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	94,516 (3.9)	35.9	8.9	8.3	2.2	15.5	14.7	1.2	1.1	1.2	9.9	11.8	18.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	420,295 (17.5)	0.0	68.6	18.6	14.4	5.2	16.5	3.5	3.1	3.0	4.5	7.9	34.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	53,996 (2.2)	0.0	15.4	13.3	2.4	20.3	21.1	3.0	2.7	-0.4	2.7	4.9	-7.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,224 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.1	-1.1	-2.2	48.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	89,769 (3.7)	30.3	310.3	23.7	-75.2	0.6	18.5	5.3	4.3	-2.4	-0.5	12.5	40.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	21,527 (0.9)	34.6	13.4	16.5	41.2	14.7	11.6	2.0	1.9	0.1	-4.0	-2.9	25.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,213 (0.2)	45.4	13.9	13.0	10.7	25.4	23.8	3.2	2.8	-2.3	-1.2	3.9	41.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	243,218 (10.1)	0.0	20.7	16.8	15.5	27.2	28.7	6.4	5.3	-0.9	-1.0	19.5	46.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.